

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN c  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN c

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Bà Phan Thị Cẩm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện c tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - KSV

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện c mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện c, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Bé H, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện c, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông H tự nguyện tìm hiểu rồi được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà

D xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn quá lớn, tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông Trần Bé H.

*Về con chung:* Bà D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 người con chung tên là Trần Quang L, sinh năm 2002, giới tính nam; Trần Thị Thu N, sinh năm 2004, giới tính nữ; Trần Hữu P sinh ngày 18/3/2009, giới tính nam và Trần Thị Ngân E, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ. Hiện nay cháu L và cháu Ngân đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P và cháu Ngân E, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Bé H trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung.

*Về quan hệ hôn nhân:* Nay bà D yêu cầu ly hôn ông H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu bà D theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Ông H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 người con chung tên là Trần Quang L, sinh năm 2002, giới tính nam; Trần Thị Thu N, sinh năm 2004, giới tính nữ; Trần Hữu P sinh ngày 18/3/2009, giới tính nam và Trần Thị Ngân E, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ, các con hiện đang sống với bà D. Hiện nay cháu L và cháu Ngân đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P và cháu Ngân E, ông H đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi. Ông không cấp dưỡng cho con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ chung ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà D yêu cầu ly hôn với ông H và giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; Bị đơn ông Trần Bé H có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện

c, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện c thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà D và ông H bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1999, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Trong quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà D xin ly hôn, ông H yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông H.

[2.2] *Về con chung:* Bà D và ông H đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 người con chung tên là Trần Quang L, sinh năm 2002, giới tính nam; Trần Thị Thu N, sinh năm 2004, giới tính nữ; Trần Hữu P sinh ngày 18/3/2009, giới tính nam và Trần Thị Ngân E, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ, các con hiện đang sống với bà D. Hiện nay cháu L và cháu Ngân đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nay ly hôn bà D, ông H thống nhất thỏa thuận ông H đồng ý giao cháu P và cháu Ngân E cho bà D trực tiếp nuôi. Ông không cấp dưỡng cho con. Điều này là phù hợp theo quy định của pháp luật và cháu P cũng có nguyện vọng được sống với bà D, chính quyền địa phương xác định bà D đủ điều kiện để nuôi con. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu P và cháu Ngân E cho bà D trực tiếp nuôi. Ông H không phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:*

*Về tài sản chung:* Bà D và ông H xác định tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng tự thỏa thuận. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về nợ chung:* Bà D và ông H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ chung. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà D chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1 - Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Bé H.

**2 - Về con chung:** Ông bà có 04 người con chung tên là Trần Quang L, sinh năm 2002, giới tính nam; Trần Thị Thu N, sinh năm 2004, giới tính nữ; Trần Hữu P sinh ngày 18/3/2009, giới tính nam và Trần Thị Ngân E, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ, các con hiện đang sống với bà D.

Hiện nay cháu L và cháu Ngân đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu P và cháu Ngân E giao cho bà D trực tiếp nuôi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Ông H được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

**3- Về tài sản chung và nợ chung:**

*Về tài sản chung:* Bà D và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về nợ chung:* Bà D và ông H KH không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4- Án phí sơ thẩm:** Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị D chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002857 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện c.

**5- Quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2023)./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện c;
- Chi cục THADS huyện c;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Vinh**